

Bản án số: 121/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14/10/2019
V/v Tranh chấp về chia tài sản sau
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thế;
2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 497/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1964; thường trú: Số 22, Đường 16, Tổ 4, Khu phố 1, phường L, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 6/26, Đường 20, khu phố 4, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1968, Văn phòng luật sư Tấn Thanh, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 6/26, Đường số 20, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng D, sinh năm 1957; thường trú: Số 22, Đường 16, Tổ 4, Khu phố 1, phường L, quận Th Thành Phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Số 29, đường B, khu T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp: Anh Trần Văn D, sinh năm 1981; 41A/26, Đường Tr, Phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2019).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1988; thường trú: Căn hộ B6, tầng 12 Bis, chung cư Ph, Số 35, đường L, phường L, Quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991 thường trú: Số 22, Đường 16, Tổ 4, Khu phố 1, phường L, quận Th, Thành Phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 175/44, Tổ 3, Khu phố 3, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh Ph, sinh năm 1991; thường trú: Số 29, đường B, khu T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Trọng Quỳnh, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Thanh Ph: Anh Trần Văn D, sinh năm 1981; 41A/26, Đường Tr, Phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2019). Có mặt.

4. Chị Phạm Thị B, sinh năm 1981; địa chỉ: 34/12 khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968; thường trú: 24/6 khu phố Nh, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. Chị Cổ Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: 1C/2 khu phố Nh, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1971; thường trú: 11A/5C khu phố Nhị Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

8. Văn phòng công chứng P; địa chỉ: 429 đường ĐT 743A, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị Phương Th, chức vụ: Trưởng phòng công chứng; địa chỉ: Số 429, đường ĐT 743A (số cũ 45/5B, đường ĐT 743), khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương là đại diện theo pháp luật. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

9. Văn phòng công chứng D; địa chỉ: 108, Đường số 9, khu trung t, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Mỹ L, chức vụ: Trưởng phòng công chứng; địa chỉ: Số 108, Đường số 9, khu T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương là đại diện theo pháp luật. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

10. Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn T, chức vụ: Phó chủ tịch là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1858 ngày 16/7/2018). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1984; thường trú: Số 60/17, khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Ch (tên thường gọi là B), sinh năm 1960; thường trú: Số 08/10, khu phố Nh, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1977; thường trú: Số 23, Đường số 6, khu T thị xã D, tỉnh Bình Dương.

4. Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1962; thường trú: Số 24, Đường số 16, Khu phố 1, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Lê Thị Kim Ngh, sinh năm 1975; thường trú: Số 31, Đường số 16, Khu phố 1, phường L, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Nguyễn Thị Thùy D sinh năm 1967; thường trú: Số 7/15, Đường số 16, Khu phố 1, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Đào Thị Ch; thường trú: Số 34, Đường số 16, Khu phố 1, phường Linh Ch, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Phạm Văn Th; thường trú: Số 34, Đường số 16, Khu phố 1, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Bùi Bích Th, sinh năm 1974; thường trú: Số 26/5, Đường 14, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; thường trú: Số 7/6, Đường số 16, khu phố 1, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông Nguyễn Văn Ngh; thường trú: Số 7/7/1, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Ông Nguyễn Doãn H; thường trú: Số 75 Đường số 6, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Bà Lê Thị Nh; thường trú: Số 34, Đường số 16, Khu phố 1, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Nguyễn Tuấn A; thường trú: Số 9/7/4, Đường số 7, Khu phố 5, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Bà Nguyễn Thị Phương T, thường trú: Số 9/1, Đường số 16, Khu phố 1, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Ông Nguyễn Văn C; thường trú: Chung cư Ehwo, Số 10, Dương Đình H, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

17. Ông Bùi Văn S; thường trú: Số 6, Đường 7, phường L, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tất cả những người làm chứng đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/7/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/12/2017, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th và tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Th trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Nguyễn Trọng D đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 921/2016/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Theo quyết định này, bà Th và ông D chỉ yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, giữa bà Th và ông D không thỏa thuận được với nhau về vấn đề tài sản nên bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung giữa bà Th với ông D.

Quá trình chung sống giữa bà Th với ông D đã tạo lập được khối tài sản chung như sau:

1. Quyền sử dụng đất có diện tích 200m² thuộc thửa 45, Lô I, thuộc Khu dân cư S, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương đã được UBND thị xã Dĩ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 098681 vào sổ số 938 QSDĐ/2001 ngày 27/8/2001. Tài sản này ông D và bà Th đã bán vào ngày 05/10/2016 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Ph tỉnh Bình Dương với giá ghi trong hợp đồng là: 500.000.000 đồng.

2. Quyền sử dụng đất có diện tích 50m² thuộc thửa Ô 44 (biến động VN – 2000: số thửa cũ 3139, số thửa mới 4337) tại phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương đã được UBND thị xã Dĩ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V656246, vào sổ số 580 QSDĐ/HTHDCDA ngày 25/10/2002. Tài sản này ông D và bà Th đã bán vào ngày 05/10/2016 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Ph, tỉnh Bình Dương với giá ghi trong hợp đồng là: 500.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trên thực tế giá chuyển nhượng của 02 lô đất nói trên là 3.550.000.000 đồng.

Sau khi bán hai lô đất nói trên, giữa vợ chồng bà Th có lập một tờ phân chia tài sản chung ngày 09/10/2016, nội dung tờ phân chia: Số tiền trên được chia thành 5 phần và mỗi người được nhận 654.000.000 đồng. Thời điểm này do gia đình ép buộc nên bà Th đã ký vào biên bản nói trên nhưng bà Th chưa nhận được một khoản tiền nào. Sau khi phân chia ông D lấy phần tiền mà bà được chia để trả nợ chung cho gia đình, còn phần còn lại là 2.930.000.000 đồng ông D giữ hết.

Đối với hai tài sản trên bà Th yêu cầu ông D phải chia cho bà Th số tiền là 673.360.000 đồng.

3. Quyền sử dụng đất có diện tích 935m² và các tài sản trên đất thuộc thửa 315, tờ bản đồ số 26 tại ấp B, xã T, huyện Vĩnh C, tỉnh Đồng Nai, đất đã được UBND huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị Thu Th ngày 28/3/2013. Đối với tài sản này bà Th đề nghị Tòa án chia đôi và bà Th được hưởng ½ giá trị tài sản bằng tiền.

4. Diện tích đất 351,25 m² thuộc thửa 1086, tờ bản đồ E5.2 tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Diện tích đất này bà Th và ông D mua chung với bà Phạm Thị B. Bà Th đề nghị được chia ½ diện tích đất và yêu cầu được nhận tiền.

4. Căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 137, 5 m² tại số 29 đường B, khu phố Nh, trung T, tỉnh Bình Dương được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 10926 ngày 17/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Thanh T, được cập nhật biến động tặng cho ông Nguyễn Trọng D ngày 30/11/2015 và cập nhật biến động tặng cho anh Nguyễn Trọng Q ngày 11/7/2017. Đất nhận chuyển nhượng năm 2012 và xây nhà năm 2013. Do trong giai đoạn này gia đình bà Th nợ nần rất nhiều người, sợ họ siết nợ nên bà Th và ông D bàn với nhau thống nhất để cho con gái là Nguyễn Thị Thanh T đứng tên giữ. Đến tháng 6/2016, khi chị Tâm chuẩn bị lấy chồng, ông D yêu cầu chị T làm hợp đồng tặng cho ông D, ông D cho rằng đây là tài sản riêng của ông nên không đồng ý chia cho bà Th. Quá trình giải quyết vụ án, ông D tặng cho lại con trai là Nguyễn Trọng Q. Bà Th yêu cầu được chia ½ giá trị tài sản và đề nghị được nhận tiền mặt,

Để có cơ sở chia tài sản chung giữa bà Th và ông D, bà Th đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An:

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6148 giữa chị Nguyễn Thị Thanh T với ông Nguyễn Trọng D lập tại Văn phòng công chứng D, tỉnh Bình Dương ngày 03/11/2015;

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7350 giữa ông Nguyễn Trọng D với anh Nguyễn Trọng Q ngày 03/7/2017;

- Hủy các chính lý biến động sang tên cho ông Nguyễn Trọng D, anh Nguyễn Trọng Q vào các ngày 30/11/2015, 11/7/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Th có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 12/12/2017 và ngày 12/4/2018 đối với tài sản là:

+ Diện tích đất 351,25 m² thuộc thửa 1086, tờ bản đồ E5.2 tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

+ Các tài sản theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/12/2017 gồm: Một bộ bàn ghế bằng gỗ, một tủ gỗ mua năm 1990; một bộ bàn ghế ăn bằng gỗ mua năm 2010; một tủ lạnh mua năm 2010; một tủ chén mua năm 2002; hai tivi Sony 32 inch; hai tủ lớn đựng quần áo đóng năm 2015; một tủ lớn đựng quần áo mua năm 2015; ba giường ngủ mua năm 2013; một xe máy hiệu Wave mua năm 2006; một xe máy hiệu Click mua năm 2012; một xe máy hiệu Future Wave

mua năm 2012; một xe máy hiệu Air Blade mua năm 2008; một máy giặt mua năm 2016 và hai máy tập thể dục mua năm 2013.

Tại phiên tòa, bà Th rút thêm yêu cầu khởi kiện về việc chia số tiền 673.360.000 đồng và các yêu cầu về hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6148 giữa Nguyễn Thị Thanh T với ông Nguyễn Trọng D lập tại Văn phòng công chứng D, tỉnh Bình Dương ngày 03/11/2015; hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Trọng D với anh Nguyễn Trọng Q ngày 10/11/2017; hủy các chính lý biến động sang tên cho ông Nguyễn Trọng D, anh Nguyễn Trọng Q vào các ngày 30/11/2015, 11/7/2017 và đưa ra phương án thỏa thuận để giải quyết vụ án với ông Nguyễn Trọng D như sau: Bà Th yêu cầu được nhận Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất có diện tích 935m² thuộc thửa là 315, tờ bản đồ số 26 tại ấp B, xã T, huyện Vĩnh C, tỉnh Đồng Nai, đất đã được UBND huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị Thu Th ngày 28/3/2013 và ông D giao thêm số tiền 300.000.000 đồng.

Đối với tài sản là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 137, 5 m² thuộc thửa 2432, tờ bản đồ số 4AB.10 tại số 29 đường B, khu phố Nh, trung tâm hành chính D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 10926 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Thanh T, được cập nhật biến động tặng cho ông Nguyễn Trọng D ngày 30/11/2015 và cập nhật biến động tặng cho anh Nguyễn Trọng Q ngày 11/7/2017, bà Th thừa nhận là tài sản riêng của anh Nguyễn Trọng Q, không tranh chấp và sẽ rút yêu cầu chia tài sản này. Trường hợp ông D đồng ý với yêu cầu trên của bà Th, bà Th cam kết giữa bà Th và ông D không còn tài sản chung nào.

- Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Nguyễn Trọng D và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Trần Văn D trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Thu Th. Ông D và bà Th đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 921/2016/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Về quan hệ tài sản: Sau khi ly hôn, ông D, bà Th và anh Nguyễn Trọng Quỳnh, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Thanh Ph đã bàn bạc bán tài sản để trả các khoản nợ của bà Th, số tiền còn lại sau khi trả nợ cũng đã chia đều cho các thành viên trong gia đình theo biên bản phân chia ngày 09/10/2016. Hiện tại, giữa ông D và bà Th chỉ còn lại duy nhất tài sản chung là Quyền sử dụng đất có diện tích 935m² thuộc thửa 315, tờ bản đồ số 26, tại ấp Bình Ý, xã Tân Bình, huyện V, tỉnh Đồng Nai, đất đã được UBND huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Trọng D và bà Nguyễn Thị Thu Th ngày 28/3/2013.

Vụ án đã kéo dài quá lâu, hơn nữa việc tranh chấp tài sản lại là những người thân máu mủ của nhau. Vì vậy, theo yêu cầu của bà Th, ông D đồng ý giao cho bà Th được toàn quyền quản lý, sử dụng tài sản là Quyền sử dụng đất có diện tích 935m² thuộc thửa là 315, tờ bản đồ số 26 tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và số tiền 300.000.000 đồng để chấp dứt việc tranh chấp, kiên tưng, giữ hòa khí cho những người thân trong gia đình. Đối với tài sản là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 137, 5 m² tại số 29 đường B, trung tâm hành chính D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 10926 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Thanh T, được cập nhật biến động tặng cho ông Nguyễn Trọng D ngày 30/11/2015 và cập nhật biến động tặng cho anh Nguyễn Trọng Q ngày 11/7/2017 là tài sản của các con ông, các con đã thống nhất để anh Q đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông không có ý kiến gì. Các yêu cầu khởi kiện khác, bà Th đã rút yêu cầu, đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng Quỳnh, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Thanh Ph là anh Trần Văn D trình bày:

Thông nhất với việc thỏa thuận giải quyết vụ án của bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Nguyễn Trọng D. Đối với tài sản là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 137, 5 m² tại số 29 đường B, Trung tâm hành chính D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 10926 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Thanh T, được cập nhật biến động tặng cho ông Nguyễn Trọng D ngày 30/11/2015 và cập nhật biến động tặng cho anh Nguyễn Trọng Q ngày 11/7/2017, anh Quỳnh, chị T và chị Ph thống nhất giao cho anh Q đứng tên, quản lý, sử dụng không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị B có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Tài sản là diện tích đất 351,25 m² thuộc thửa 1086, tờ bản đồ E5.2 tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương là ½ trong tổng diện tích đất 702, 5 m² chị được chia khi ly hôn với ông T. Sau khi được chia tài sản này chị đã bán cho bà Nguyễn Thị Th, hiện chị không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th, chị Cổ Thị H và anh Nguyễn Việt T đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Chị H là người giới thiệu cho bà Th mua diện tích đất 702,5 m² tại khu phố T, phường T, thị xã D, bà Th để anh T đứng tên giùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, bà Th cũng đã bán diện tích đất này nên bà Th, chị H và anh T xác định không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án.

- Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng D bà Phạm Thị Mỹ L và Văn phòng công chứng Ph bà

Nguyễn Thị Phương Th có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết tại Văn phòng công chứng D và Văn phòng công chứng Ph là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp của UBND thị xã D ông Trần Văn T có yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

+ Về nội dung: Nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận được về việc chia tài sản chung sau ly hôn và không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đối với tài sản còn lại và các yêu cầu về hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy cập nhận biến động nguyên đơn đã rút yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ các yêu cầu này.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu Th khởi kiện tranh chấp tài sản với ông Nguyễn Trọng D, ông D cư trú tại 29, đường B, trung tâm hành chính, khu phố Nh, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên chi Phạm Thị B, bà Nguyễn Thị Th, chị Cổ Thị H, anh Nguyễn Việt T, Văn phòng công chứng D, Văn phòng công chứng Ph, UBND thị xã Dĩ An có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, những người làm chứng ông Vũ Tuấn A, bà Nguyễn Thị Ch, ông Hoàng Văn T, ông Nguyễn Ngọc Th, bà Lê Thị Kim Ngh, bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Đào Thị Ch, ông Phạm Văn Th, bà Bùi Bích Th, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Ngh, ông Nguyễn Doãn H, bà Lê Thị Nh, ông Nguyễn

Tuấn A, bà Nguyễn Thị Phương T, ông Bùi Văn S đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo Điều 228, 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Nguyễn Trọng D đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Ông Nguyễn Trọng D đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị Thu Th quản lý, sử dụng tài sản là Quyền sử dụng đất có diện tích 935m² thuộc thửa là 315, tờ bản đồ số 26 tại ấp B, xã Tân B, huyện V, tỉnh Đồng Nai, được UBND huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/3/2013 và toàn bộ tài sản trên đất gồm: một hàng rào, toàn bộ cây trồng trên đất có giá trị là 403.000.000; đồng thời, ông D giao thêm cho bà Th số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 14/11/2019, tổng giá trị tài sản bà Th được hưởng là 703.000.000 đồng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị B, bà Nguyễn Thị Th, chị Cô Thị H, anh Nguyễn Việt T, Văn phòng công chứng D, Văn phòng công chứng Ph, UBND thị xã D vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên việc thỏa thuận của bà Th và ông D không liên quan đến quyền lợi của những người vắng mặt. Vì vậy, có căn cứ để Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bà Th và ông D.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu Th đã rút các yêu cầu khởi kiện về việc: Chia diện tích đất 351,25 m² thuộc thửa 1086, tờ bản đồ E5.2 tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; chia các vật dụng trong gia đình gồm: Một bộ bàn ghế bằng gỗ, một tủ gỗ mua năm 1990; một bộ bàn ghế ăn bằng gỗ mua năm 2010; một tủ lạnh mua năm 2010; một tủ chén mua năm 2002; hai tivi Sony 32 inch; 02 tủ lớn đựng quần áo đóng năm 2015, một tủ lớn đựng quần áo mua năm 2015; ba giường ngủ mua năm 2013; một xe máy hiệu Wave mua năm 2006; một xe máy hiệu Click mua năm 2012; một xe máy hiệu Future Wave mua năm 2012; một xe máy hiệu Air Blade mua năm 2008; một máy giặt mua năm 2016 và hai máy tập thể dục mua năm 2013; chia số tiền 673.360.000 đồng; chia căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 137, 5 m² thuộc thửa 2432, tờ bản đồ số 4AB.10 tại số 29 đường B, khu T tâm hành chính D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 10926 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Thanh T, được cập nhật biến động tặng cho ông Nguyễn Trọng D ngày 30/11/2015 và cập nhật biến động tặng cho anh Nguyễn Trọng Q ngày 11/7/2017; yêu cầu về hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6148 giữa chị Nguyễn Thị Thanh T với ông Nguyễn Trọng D lập tại Văn phòng công chứng Dĩ An, tỉnh Bình Dương ngày 03/11/2015; hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7350 giữa ông Nguyễn Trọng D với anh Nguyễn Trọng Q ngày 03/7/2017; hủy các chính lý biến động sang tên cho ông Nguyễn Trọng D, anh Nguyễn Trọng Q vào các ngày 30/11/2015, 11/7/2017. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ các yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đối với tài sản là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 137, 5 m² tại số 29 đường B, Trung tâm hành chính D, tỉnh Bình Dương nêu

trên, bà Th và ông D xác định không phải là tài sản chung, đồng thời ngoài các tài sản đã thỏa thuận nêu trên, bà Th, ông D xác định không còn tài sản chung nào khác.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định: Bà Nguyễn Thị Thu Th chịu 10.443.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền bà Th đã nộp tại Tòa án.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là phù hợp với nhận định của Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng D không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị Thu Th phải chịu án phí trên giá trị tài sản bà Th được hưởng theo quy định của Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 15, 33, và 38 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Th về việc:

1. Chia diện tích đất 351,25 m² thuộc thửa 1086, tờ bản đồ E5.2 tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

2. Chia các vật dụng trong gia đình gồm: Một bộ bàn ghế bằng gỗ, một tủ gỗ mua năm 1990; một bộ bàn ghế ăn bằng gỗ mua năm 2010; một tủ lạnh mua năm 2010; một tủ chén mua năm 2002; hai tivi Sony 32 inch; hai tủ lớn đựng quần áo đóng năm 2015, một tủ lớn đựng quần áo mua năm 2015; ba giường ngủ mua năm 2013; một xe máy hiệu Wave mua năm 2006; một xe máy hiệu Click mua năm 2012; một xe máy hiệu Future Wave mua năm 2012; một xe máy hiệu Air Blade mua năm 2008; một máy giặt mua năm 2016 và hai máy tập thể dục mua năm 2013; chia số tiền 673.360.000 đồng;

3. Chia căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 137, 5 m² thuộc thửa 2432, tờ bản đồ số 4AB.10 tại số 29 đường B, khu trung tâm hành chính D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 10926 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Thanh T, được cập nhật biến động tặng cho ông Nguyễn Trọng D ngày 30/11/2015 và cập nhật biến động tặng cho anh Nguyễn Trọng Q ngày 11/7/2017;

4. Yêu cầu về hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6148 giữa chị Nguyễn Thị Thanh T với ông Nguyễn Trọng D lập tại Văn phòng công chứng Dĩ An, tỉnh Bình Dương ngày 03/11/2015; hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7350 giữa ông Nguyễn Trọng D với anh Nguyễn Trọng Q ngày 03/7/2017; hủy các chính lý biên động sang tên cho ông Nguyễn Trọng D, anh Nguyễn Trọng Q vào các ngày 30/11/2015, 11/7/2017.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Ông Nguyễn Trọng D đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị Thu Th quản lý, sử dụng tài sản là Quyền sử dụng đất có diện tích 935m² thuộc thửa 315, tờ bản đồ số 26 tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 07136 do UBND huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/3/2013 cho ông Nguyễn Trọng D, bà Nguyễn Thị Thu Th và toàn bộ tài sản trên đất gồm: Một hàng rào và toàn bộ cây trồng trên đất có giá trị là 403.000.000 (bốn trăm lẻ ba triệu) đồng. (Có sơ đồ kèm theo).

2. Ông Nguyễn Trọng D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu Th số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng vào ngày 14/11/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

III. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định: Bà Nguyễn Thị Thu Th chịu 10.443.000 (mười triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, được khấu trừ vào chi phí bà Th đã nộp tại Tòa án.

IV. Về án phí: Ông Nguyễn Trọng D không phải chịu. Bà Nguyễn Thị Thu Th phải chịu 32.120.000 (ba mươi hai triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản sau khi ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 23.975.400 (hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014987 ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009901 ngày 25 tháng 7 năm 2017 và số tiền 1.825.000 (một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018693 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Thị Thu Th được nhận lại 7.680.400 (bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn bốn trăm) đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thắm